



Số: 320603/MT/050603/24

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**  
**(Phòng thử nghiệm được chỉ định)<sup>(1)</sup>**

Ngày: 15/03/2024  
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải sau xử lý - Nhà máy nước Hưng Phú  
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (Chai nhựa: 2 lít x 1 chai, chai thủy tinh: 250mL x 1 chai)  
3. Ngày nhận mẫu : 06/03/2024  
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh  
5. Ngày thử nghiệm : Từ 06/03/2024 đến 13/03/2024  
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ**  
**Số 2A đường Nguyễn Trãi, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ**  
7. Lưu mẫu : Không  Có  Đến ngày: .....  
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Không  
9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	(#) pH	-	SMEWW 4500-H <sup>+</sup> .B:2023	6,67 (tại 27,0°C)
2	Hàm lượng BOD <sub>5</sub> (ở 20°C)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	7
3	Hàm lượng COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	12
4	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	15,00
5	Hàm lượng Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/L	SMEWW 4500-S <sup>2-</sup> .B&D:2023	< 0,06 <sup>(a)</sup>
6	Hàm lượng Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	< 2,10 <sup>(a)</sup>
7	Hàm lượng tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	< 6,00 <sup>(a)</sup>
8	Hàm lượng Photpho tổng (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	< 0,06 <sup>(a)</sup>
9	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	< 1,8 <sup>(a)</sup>

Ghi chú: - <sup>(1)</sup> được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - <sup>(a)</sup> là giới hạn định lượng của phương pháp thử; - (#) Kết quả chỉ có giá trị tham khảo, kết quả có giá trị pháp lý khi được tổ chức có giấy chứng nhận VIMCERTS thực hiện quan trắc hiện trường.

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM**  
**HÓA SINH**

**Phạm Văn Tú**

**K. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Khánh Ngọc**

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.  
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*  
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng  
*Name of sample and client are reported as the client's request.*  
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).  
*This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.*





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP. CẦN THƠ  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
CENTER FOR NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT MONITORING

Số: 08 Đường Nguyễn Văn Cừ, Khu vực 8, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ  
Điện thoại/Fax: 02923.891199 – 02923.735579 - Fax: 02923.815566  
Email: ttqtnmt@cantho.gov.vn

Số hiệu: Bm05-TT17  
Ngày BH: 10/02/2022

Số: 153/416/N/0624 **KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** Ngày trả: 18/6/2024

**Khách hàng (Cơ quan):** Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ

**Địa chỉ:** Số 2A Nguyễn Trãi, phường Tân An, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ

**Ngày thu/nhận mẫu:** 04/6/2024

**Ngày thử nghiệm:** 04/6/2024

**Loại mẫu (ký hiệu):** Nước thải sau xử lý –

**Số lượng:** 01

Nhà máy nước Hưng Phú

**Tình trạng mẫu:** Bình thường

**Lưu mẫu:**  Không;  Có, đến ngày:

**Đo đạc hiện trường:** Không

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả
1	pH (#)	-	TCVN 6492:2011	7,11
2	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> )	mg/L	TCVN 6001-1:2008	10
3	Nhu cầu ôxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	21,5
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	33
5	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> .B&F:2017	0,21
6	Tổng Nito	mg/L	TCVN 6638:2000	1,8
7	Tổng Phốtpho	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2017	0,03
8	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	9,4x10 <sup>2</sup>
9	Sunfua (S <sup>2-</sup> )	mg/L	SMEWW 4500 S <sup>2-</sup> .B&D:2017	KPH (MDL=0,02)

**Ghi chú:** thực hiện theo Giấy chứng nhận số 28/GCN-BTNMT ngày 29/8/2022 (mã số VIMCERTS 131).  
(#) kết quả có giá trị tham khảo; “KPH”: không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện.

**TRƯỞNG PHÒNG QUAN TRẮC VÀ  
THỬ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG**

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Khánh Luân**

**Đoàn Thanh Tâm**

1. Tên mẫu, ký hiệu mẫu ghi theo yêu cầu của khách hàng; 2. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử, không lưu mẫu; 3. Khi khách hàng có yêu cầu lưu, Trung tâm sẽ lưu theo các điều kiện thích hợp với tính chất của mẫu và thông thường mẫu được lưu 5 (năm) ngày tính từ ngày Trung tâm ký ban hành Phiếu QOTN.